

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 12 – 09 – 2022  
V/v “*Tranh chấp xin ly hôn và  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sễn** – Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp VTA, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

\* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp VTA, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG.

(Chị L được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T trình bày:* Vào năm 2002, anh T và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VHH, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống rất hòa thuận và có 02 người con tên Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/01/2002 và Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006 nhưng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện xin ly hôn. Về con chung: trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con tên Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/01/2002 và Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006 hiện đang sống cùng anh. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai.

Anh Huỳnh Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt anh đã yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L;
- Về con chung: Xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, con tên Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/01/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng chị L cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định chị L vẫn không có bản tự khai và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng anh

Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Thị L có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng chị L vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập chị L đến lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Thị L. Cho anh Huỳnh Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006 cho anh Huỳnh Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi anh T và chị L ly thân thì anh Huỳnh Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tú N và theo nguyện vọng của cháu N muốn được sống với cha, do đó cần giao cháu Tú N cho anh Huỳnh Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị L và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09 tháng 08 năm 2006, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L.

[4] - Về nội dung: Anh Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Thị L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã UBND xã VHH, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134, ngày 044/12/2002 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác nhận, sau khi kết hôn anh và chị L sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, anh và chị L sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Đối với chị Nguyễn Thị L mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên anh Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Thị L có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng chị L vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến thứ hai để chị L có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị L vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị L không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với anh Huỳnh Ngọc T. Đồng thời anh Huỳnh Ngọc

T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị L và trên thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa anh Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài anh T vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với chị L. Do đó việc xin ly hôn của anh T đối với chị L là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Ngọc T đối với chị Nguyễn Thị L.

[5] - Về con chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là 02 người con tên Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/01/2002 và Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006 hiện đang sống cùng anh. Nay anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tú N và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/01/2002 nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi 02 vợ chồng ly thân (năm 2020) cho đến nay anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tú N và anh vẫn chăm sóc tốt cho cháu Tú N nên Hội đồng xét xử giao cháu Tú N cho anh Huỳnh Ngọc T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do anh Huỳnh Ngọc T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L đúng theo quy định pháp luật nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa anh Huỳnh Ngọc T và chị L được. Hơn nữa anh Huỳnh Ngọc T xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có

yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Về nợ chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc anh Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí nhưng anh Huỳnh Ngọc T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001062, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 2, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh **Huỳnh Ngọc T** đối với bị đơn chị **Nguyễn Thị L.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh ngày 09/08/2006 cho anh Huỳnh Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Ngọc T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Huỳnh Ngọc T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001062, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Đầu**